

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2016/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 18 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
**Về các chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục
và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 15/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 15/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông Chuyên giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “xóa mù chữ đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Trung tâm học tập cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGD&ĐT ngày 02/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú;

Căn cứ Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục

và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BGD&ĐT ngày 15/2/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường Trung học phổ thông Chuyên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn;

Xét 05 Tờ trình số 123, 121, 122, 150, 127/TTr-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; 05 Báo cáo thẩm tra số: 41, 42, 43, 45, 56/BC-HĐND ngày 11/7/2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn các chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020 gồm:

1. Quy định nội dung, mức chi cho công tác xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Lào Cai (phụ lục 1).

2. Quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ quản lý các Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (phụ lục 2).

3. Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai (phụ lục 3).

4. Quy định chính sách hỗ trợ cho học sinh, giáo viên trường Trung học phổ thông Chuyên Lào Cai; hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016- 2020 (phụ lục 4).

5. Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn; hỗ trợ cho giáo viên quản lý học sinh và cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh; hỗ trợ học phẩm và sách giáo khoa cho học sinh phổ thông ở các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh

Lào Cai giai đoạn 2016- 2020 (phụ lục 5).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được HĐND tỉnh Lào Cai khóa XV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND tỉnh Lào Cai về mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ quản lý của các Trung tâm học tập cộng đồng tại xã phường, thị trấn và Nghị quyết số 35/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn chính sách hỗ trợ tiền ăn; thuê cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học Trung học phổ thông ở trường PTDT nội trú huyện; hỗ trợ cho giáo viên trực tiếp quản lý học sinh bán trú và tiền ăn cho học sinh bán trú; hỗ trợ học phẩm và sách giáo khoa cho học sinh phổ thông ở các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

PHỤ LỤC 1**Về nội dung, mức chi cho công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ chi thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm;

1.2. Tổ chức các kỳ thi phổ thông, gồm:

a) Thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 trung học phổ thông (THPT);

b) Thi học sinh giỏi cấp huyện và cấp tỉnh;

c) Thi THPT Quốc gia;

d) Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia;

đ) Thi tuyển sinh vào THPT, xét tuyển vào các trường phổ thông dân tộc nội trú THCS, THPT huyện;

e) Thi nghề phổ thông.

1.3. Tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi, gồm:

a) Tập huấn đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia;

b) Tập huấn đội tuyển dự thi và tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan khác tham gia công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông và các cuộc thi khác có tính chất chuyên môn theo quy định của ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Riêng đối với công tác thanh tra chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm;

2.2. Các cơ quan, đơn vị, giáo viên, học sinh tham dự tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cấp tỉnh.

3. Nguyên tắc áp dụng

3.1. Các mức chi trong quy định này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, tập huấn đội tuyển cấp tỉnh tham dự kỳ thi quốc gia, tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, in sao đề trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài.

3.2. Trong trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

4. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức các kỳ thi và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ thi học sinh giỏi

4.1. Soạn thảo câu trắc nghiệm để đưa vào biên tập: 45.000 đồng/câu.

4.2. Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm: 40.000 đồng/câu.

4.3. Tổ chức thi thử:

a) Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm: 180.000 người/ ngày;

b) Chi xây dựng đề thi gốc (phản biện và đáp án): 700.000 đồng/đề;

c) Chi xây dựng các mã đề thi: 180.000 đồng/ đề.

4.4. Thuê chuyên gia thẩm định cỡ câu trắc nghiệm: 280.000 đồng/người/ ngày (theo phương thức hợp đồng).

4.5. Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm: 180.000 đồng/người ngày.

5. Nội dung, mức chi cho công tác ra đề thi

5.1. Ra đề thi

a) Chi ra đề thi đề xuất đối với đề thi tự luận, đề thi thực hành, đề thi nói để lựa chọn, xây dựng mới đề thi chính thức hoặc dự bị (một đề chính thức bao gồm nhiều phân môn khác nhau, đề thi đề xuất có ít nhất 3 câu):

Nội dung	Mức chi
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia	600.000 đồng/đề theo phân môn
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	570.000 đồng/ đề theo phân môn
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	400.000 đồng/ đề theo phân môn
Thi tuyển sinh vào THPT	300.000 đồng/đề
Thi nghề phổ thông	200.000 đồng/đề

b) Ra đề thi chính thức, đề thi dự bị

Nội dung	Mức chi
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thực hành)	500.000 đồng/người/ngày
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thực hành)	350.000 đồng/người/ngày
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thực hành)	300.000 đồng/người/ngày
Thi tuyển sinh vào THPT:	
Thi trắc nghiệm	200.000 đồng/người/ ngày

Thi tự luận	350.000 đồng/người/ ngày
Thi nghề phổ thông (lý thuyết+thực hành)	300.000 đồng/người/ ngày

Mức chi đối với đề thi tự luận, đề thi thực hành, đề thi nói bao gồm các nội dung: Soạn thảo và phản biện đề thi chính thức, đề thi dự bị có kèm hướng dẫn chấm, biểu điểm; dụng cụ, hóa chất và mẫu vật thực hành.

Mức chi đối với đề thi trắc nghiệm bao gồm các nội dung: Xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm: Mục đích kỳ thi, mục tiêu đánh giá, thời gian thi, xây dựng các yêu cầu, kỹ thuật về cấu trúc đề thi, thiết lập ma trận; chỉnh sửa câu trắc nghiệm; duyệt ma trận, duyệt đề; rút các câu trắc nghiệm từ ngân hàng, theo ma trận, hình thành chế bản đề; chi phản biện đề thi.

5.2. Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng/Ban ra đề thi (sau đây gọi tắt là Hội đồng) và công tác phục vụ tổ chức ra đề thi:

a) Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	250.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	200.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, bảo vệ vòng trong (bảo vệ 24/24)	160.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	80.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	70.000 đồng/người/ ngày

b) Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện; thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	170.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, bảo vệ vòng trong (bảo vệ 24/24)	140.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	70.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	60.000 đồng/người/ ngày

5.3. Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng và công tác phục vụ tổ chức in sao đề thi THPT quốc gia

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	230.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	200.000 đồng/người/ ngày

Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên, bảo vệ vòng trong (bảo vệ 24/24h)	160.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	190.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	85.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ (tại khu cách ly trong thời gian Hội đồng làm việc)	75.000 đồng/người/ ngày

5.4. Tiền ăn cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng sao in đề thi trong những ngày tập trung cách ly đặc biệt với bên ngoài thực hiện bằng chế độ lưu trú theo quy định chế độ công tác phí hiện hành.

6. Nội dung, mức chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng và công tác phục vụ tổ chức coi thi

6.1. Thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 THPT

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	210.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	200.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Giám thị, kỹ thuật viên	170.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	240.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	170.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	200.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài	80.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	70.000 đồng/người/ ngày

6.2. Thi THPT quốc gia

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	190.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Giám thị	160.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	230.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	160.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	190.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài	75.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	65.000 đồng/người/ ngày

6.3. Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi THPT quốc gia

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	190.000 đồng/người/ ngày

Các Phó Chủ tịch	180.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Giám thị, kỹ thuật viên	150.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	220.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	150.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	180.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài	70.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	60.000 đồng/người/ ngày

6.4. Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, thi nghề phổ thông

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	160.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	150.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Giám thị, kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	190.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	150.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ vòng ngoài	60.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	50.000 đồng/người/ ngày

7. Nội dung, mức chi cho công tác chấm thi

7.1. Chấm bài thi

a) Chấm bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành

Nội dung	Mức chi
Thi tốt nghiệp THPT Quốc gia	12.000 đồng/bài
Thi tuyển sinh vào THPT	11.000 đồng/bài
Thi nghề phổ thông (thi nghề PT tính cho một học sinh gồm: bài thi lý thuyết + bài thi thực hành)	10.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia	70.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh	50.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh vào đội tuyển dự kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện	40.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	45.000 đồng/bài
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	40.000 đồng/bài

b) Chấm bài thi trắc nghiệm THPT Quốc gia:

Nội dung	Mức chi
Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	280.000 đồng/ngày

7.2. Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi tự luận, thi nói, thi thực hành:

Nội dung	Mức chi
Thi THPT Quốc gia	170.000 đồng/người/ đợt
Thi chọn học sinh vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, tuyển sinh vào THPT	160.000 đồng/người/ đợt
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện; thi nghề phổ thông	150.000 đồng/người/ đợt

7.3. Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng chấm thi và công tác phục vụ tổ chức chấm thi

a) Thi THPT Quốc gia

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	230.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	190.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, kỹ thuật viên	160.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	230.000 đồng/người/ngày
Đoàn viên thanh tra	160.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	190.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ tại địa điểm chấm thi	85.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ tại địa điểm chấm thi	75.000 đồng/người/ ngày

b) Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia, thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào THPT

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	220.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	180.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, kỹ thuật viên	150.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	220.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	150.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	180.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ tại địa điểm chấm thi	80.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ tại địa điểm chấm thi	70.000 đồng/người/ ngày

c) Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện; thi nghề phổ thông

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	190.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	150.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	190.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	150.000 đồng/người/ ngày
Bảo vệ tại địa điểm chấm thi	70.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ tại địa điểm chấm thi	60.000 đồng/người/ ngày

8. Nội dung, mức chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng và công tác phục vụ xét duyệt kết quả thi

8.1 Thi THPT Quốc gia

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	220.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	180.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Ủy viên	150.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	70.000 đồng/người/ ngày

8.2. Thi tuyển sinh THPT:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	160.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Ủy viên	140.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	60.000 đồng/người/ ngày

8.3. Thi nghề phổ thông:

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	170.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	140.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Ủy viên	120.000 đồng/người/ ngày
Y tế, phục vụ	50.000 đồng/người/ ngày

9. Nội dung, mức chi phúc khảo, thẩm định bài thi

9.1. Phụ cấp trách nhiệm Hội đồng và công tác phục vụ phúc khảo, thẩm định bài thi

a) Thi THPT Quốc gia

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	210.000 đồng/người/ ngày

Các Phó Chủ tịch	170.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên	150.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	210.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	150.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	170.000 đồng/người/ ngày
Phục vụ	70.000 đồng/người/ngày

b) Thi chọn học sinh giỏi vào đội tuyển cấp tỉnh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thi tuyển sinh vào THPT

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	200.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	160.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên	140.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	200.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	140.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	160.000 đồng/người/ ngày
Phục vụ	60.000 đồng/người/ ngày

c) Thi học sinh giỏi cấp huyện, thi nghề phổ thông

Nội dung	Mức chi
Chủ tịch Hội đồng	170.000 đồng/người/ ngày
Các Phó Chủ tịch	140.000 đồng/người/ ngày
Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ ngày
Trưởng đoàn thanh tra	170.000 đồng/người/ ngày
Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ ngày
Thanh tra viên độc lập	140.000 đồng/người/ ngày
Phục vụ	50.000 đồng/người/ ngày

9.2. Phụ cấp trách nhiệm cho các cán bộ chấm phúc khảo bài thi

Nội dung	Mức chi
Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	180.000 đồng/người/ ngày
Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	160.000 đồng/người/ ngày
Bài thi tốt nghiệp THPT, tốt nghiệp bổ túc THPT	130.000 đồng/người/ ngày
Bài thi tuyển sinh vào THPT	110.000 đồng/người/ ngày
Bài thi nghề phổ thông	100.000 đồng/người/ ngày

9.3. Phụ cấp trách nhiệm cho các cán bộ chấm thẩm định bài thi

Nội dung	Mức chi
Bài thi THPT Quốc gia	130.000 đồng/người/ ngày
Bài thi tuyển sinh vào THPT	110.000 đồng/người/ ngày
Bài thi nghề phổ thông	100.000 đồng/người/ ngày

10. Nội dung, mức chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng và công tác phục vụ xét tuyển sinh đối với các trường không phải tổ chức thi tuyển

Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT THCS&THPT:

Nội dung	Mức chi
- Chủ tịch Hội đồng	170.000 đồng/người/ ngày
- Các Phó Chủ tịch	140.000 đồng/người/ ngày
- Thư ký, Ủy viên, Kỹ thuật viên	120.000 đồng/người/ ngày
- Trưởng đoàn thanh tra	170.000 đồng/người/ ngày
- Đoàn viên thanh tra	120.000 đồng/người/ ngày
- Thanh tra viên độc lập	140.000 đồng/người/ ngày
- Phục vụ	50.000 đồng/người/ ngày

11. Nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi khác

11.1. Đối với các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện các cấp học, cuộc thi cán bộ quản lý giỏi cấp huyện, cuộc thi giáo viên tự làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng cấp huyện các cấp học; cuộc thi máy tính bỏ túi cấp huyện cho học sinh THCS, THPT ... theo quy định được áp dụng bằng 70% theo các nội dung và mức chi của thi học sinh giỏi cấp huyện tại Quy định này.

11.2. Đối với các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh các cấp học, cuộc thi cán bộ quản lý giỏi các cấp học cấp tỉnh, cuộc thi giáo viên tự làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng các cấp học cấp tỉnh; cuộc thi máy tính bỏ túi cấp tỉnh, cấp khu vực phía Bắc cho học sinh THCS, THPT, cuộc thi Olympic Toán tuổi thơ do Báo Tiền phong tổ chức cho học sinh Tiểu học và THCS; cuộc thi giải Toán, Tiếng Anh trên mạng cho học sinh Tiểu học và THCS... theo quy định được áp dụng bằng 70% theo các nội dung và mức chi của thi học sinh giỏi cấp tỉnh tại Quy định này.

12. Nội dung, mức chi cho công tác tập huấn đội tuyển dự thi và chế độ cho học sinh tham dự các kỳ thi học sinh giỏi

12.1. Tập huấn đội tuyển cấp tỉnh dự thi học sinh giỏi quốc gia:

a) Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn và giáo viên dạy đội tuyển:

Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 50.000 đồng/ngày.

Phụ cấp cho giáo viên dạy đội tuyển (gồm biên soạn và giảng dạy):

Nội dung	Mức chi
Dạy lý thuyết	150.000 đồng/tiết
Dạy thực hành	200.000 đồng/tiết
Trợ lý thí nghiệm, thực hành	60.000 đồng/tiết

b) Hỗ trợ tiền ăn, vé tàu xe, tiền ngủ cho học sinh đội tuyển trong thời gian tập trung tại lớp tập huấn:

Tiền ăn: 90.000 đồng/học sinh/ngày.

Hỗ trợ vé tàu, xe đi lại: Theo quy định hiện hành.

Hỗ trợ tiền ngủ (trong trường hợp Trường THPT chuyên tỉnh Lào Cai không thể bố trí được chỗ ở cho học sinh): Theo quy định hiện hành.

Thời gian tổ chức tập huấn: Tối đa không quá 50 ngày/môn và tổng số tiết không quá 250 tiết/môn.

12.2. Tập huấn đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh:

a) Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn và giáo viên đội tuyển

Phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 40.000 đồng/ngày.

Phụ cấp cho giáo viên dạy đội tuyển (gồm biên soạn và giảng dạy):

Nội dung	Mức chi
Dạy lý thuyết	100.000 đồng/tiết
Dạy thực hành	150.000 đồng/tiết
Trợ lý thí nghiệm, thực hành	50.000 đồng/tiết

Thời gian tổ chức tập huấn: Tối đa không quá 40 ngày/môn và không quá 4 tiết/ngày đối với trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Riêng đối với Trường Trung học phổ thông chuyên tối đa không quá 50 ngày/môn và không quá 4 tiết/ngày.

b) Hỗ trợ đối với học sinh đội tuyển tham dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh trong thời gian tập trung thi:

Tiền ăn 90.000 đồng/học sinh/ngày.

Hỗ trợ vé tàu xe đi lại, tiền ngủ cho học sinh nhà ở xa trong thời gian tập trung thi theo quy định hiện hành.

13. Các nội dung chi khác cho công tác tổ chức các kỳ thi và tập huấn đội tuyển dự thi các kỳ học sinh giỏi

Các nội dung như: In ấn, phô tô tài liệu; thuê thiết bị, địa điểm, phương tiện, phòng nghỉ; công tác phí; chi văn phòng phẩm, vật tư, nguyên vật liệu; bồi dưỡng gia công lắp ráp thiết bị và các loại bài thi thí nghiệm, thực hành... được thực hiện theo chế độ hiện hành.

14. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp giáo dục - ngân sách tỉnh.

PHỤ LỤC 2**Mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ quản lý các Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND
ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

- 1. Đối tượng áp dụng:** Phó Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng
- 2. Định suất:** Một Trung tâm học tập cộng đồng có không quá 2 phó giám đốc, trong đó 01 cán bộ quản lý trường THCS hoặc trường tiểu học trên địa bàn; 01 cán bộ hội khuyến học hoặc công chức văn hóa xã, phường, thị trấn.
- 3. Định mức phụ cấp kiêm nhiệm:** Hệ số 0,2 x mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.
- 4. Thời gian hỗ trợ:** Hỗ trợ 12 tháng/năm.
- 5. Nguồn kinh phí thực hiện:** Từ nguồn sự nghiệp giáo dục - ngân sách tỉnh.

PHỤ LỤC 3**Một số nội dung, mức chi thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng:

Các cơ sở giáo dục, Ban chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục (cấp tỉnh, huyện, xã); cán bộ, giáo viên trực tiếp làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; học viên học lớp xóa mù chữ.

2. Nội dung và mức chi:**2.1. Chi hỗ trợ hoạt động huy động ra lớp xóa mù chữ:**

a) Chi bằng tiền mặt cho giáo viên đi điều tra, thống kê, huy động số người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 (sau đây gọi chung là học viên) đến lớp xóa mù chữ và hoàn thành chương trình xóa mù chữ: 50.000 đồng/học viên/1 chương trình (chương trình xóa mù chữ gồm 2 chương trình: Chương trình xóa mù chữ lớp 1, lớp 2, lớp 3; chương trình giáo dục tiếp tục sau biết chữ lớp 4, lớp 5. Học viên phải hoàn thành chương trình xóa mù chữ thì giáo viên được hỗ trợ).

b) Chi hỗ trợ bằng tiền mặt cho giáo viên dạy các lớp xóa mù chữ mua văn phòng phẩm (vở soạn giáo án, bút, phấn viết bảng): 50.000 đồng/lớp.

c) Chi mua hồ sơ, ấn phẩm lớp học xóa mù chữ: Học bạ 01 quyển/học viên; sổ điểm, sổ đầu bài, hồ sơ theo dõi, biểu mẫu thống kê 01 bộ/lớp.

2.2. Chi hỗ trợ hoạt động công tác phổ cập giáo dục:

a) Chi thấp sáng đối với lớp học phổ cập giáo dục ban đêm (theo thực tế thời gian học): 40.000 đồng/lớp/tháng.

b) Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp tỉnh: Tổng chi 200 triệu đồng/năm, gồm: Chi cho công tác phí; xăng xe đi kiểm tra; chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu; sửa chữa tài sản.

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp huyện: Tổng chi 30 triệu đồng/năm, gồm: Chi cho công tác phí; xăng xe đi kiểm tra; chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu; sửa chữa tài sản.

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp xã: Tổng chi 04 triệu đồng/năm, gồm: Chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm; các chi phí cho công tác kiểm tra, đôn đốc huy động ra lớp.

c) Chi phụ cấp cho người làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục:

Số lượng cán bộ chuyên trách:

Cấp tỉnh: 05 người (cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo).

Cấp huyện: Phòng Giáo dục và Đào tạo 03 người; các trường mầm non, tiểu học và THCS mỗi trường 01 người.

Cấp xã: 01 người/Xã, phường, thị trấn.

Mức phụ cấp:

Cán bộ chuyên trách thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo: Hệ số 0,2 x mức lương cơ sở/tháng.

Cán bộ chuyên trách các xã khu vực III, các trường nằm trên địa bàn khu vực III: Hệ số 0,25 x mức lương cơ sở/tháng.

Cán bộ chuyên trách các xã, phường, thị trấn, các trường trên địa bàn còn lại: Hệ số 0,15 x mức lương cơ sở/tháng.

Thời gian hưởng: 12 tháng/năm.

2.3. Chi trả thù lao cho giáo viên dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ, phổ cập:

a) Đối với giáo viên biên chế ngành giáo dục, mức chi thù lao tính theo số giờ thực dạy vượt mức giờ chuẩn và được thanh toán trả lương làm thêm giờ theo quy định hiện hành (Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Liên bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập).

b) Đối với những người ngoài biên chế ngành giáo dục, nếu có đủ tiêu chuẩn và năng lực giảng dạy, tình nguyện tham gia dạy các lớp xóa mù chữ và phổ cập giáo dục thì thực hiện ký hợp đồng với đơn vị được giao tổ chức mở lớp, mức chi thù lao theo hợp đồng tương đương với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học (theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

PHỤ LỤC 4**Chính sách hỗ trợ cho học sinh, giáo viên trường Trung học phổ thông Chuyên Lào Cai; hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Chính sách hỗ trợ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn**1.1. Đối tượng, phạm vi áp dụng:**

- a) Học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- b) Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;
- c) Học sinh có bố mẹ hộ khẩu thường trú tại xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn (khu vực III, thôn vùng 3 thuộc xã khu vực II).
- d) Học sinh là người dân tộc thiểu số (trừ học sinh có hộ khẩu các phường ở thành phố Lào Cai).

1.2. Mức hỗ trợ:

- a) Đối với học sinh thuộc đối tượng trên nhưng nhà ở xa trường, phải ở tại trường (không đi đến trường và trở về trong ngày): Mức hỗ trợ bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- b) Đối tượng còn lại (là học sinh thuộc đối tượng trên nhưng đi về trong ngày): Mức hỗ trợ bằng 80% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

1.3. Thời gian hưởng: 9 tháng/năm học**2. Chính sách khuyến khích học sinh giỏi****2.1. Đối tượng, phạm vi áp dụng:**

- a) Học sinh lớp chuyên: Có hạnh kiểm tốt, điểm trung bình các môn của học kỳ đạt từ 8,0 trở lên và điểm trung bình môn chuyên của học kỳ xét, cấp hỗ trợ phải đạt từ 8,5 trở lên.
- b) Học sinh các lớp còn lại: Có hạnh kiểm tốt, điểm trung bình các môn của học kỳ đạt từ 8,0 trở lên.
- c) Ngoài 2 điều kiện trên, học sinh phải tham gia đội tuyển học sinh giỏi của nhà trường mới được hưởng chính sách hỗ trợ này.

2.2. Mức hỗ trợ:

- a) Hỗ trợ 30 học sinh có học lực giỏi (mỗi học kì chọn 30 học sinh, mỗi khối chọn 10 học sinh giỏi nhất): Mức hỗ trợ bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- b) Hỗ trợ học sinh có học lực giỏi còn lại: Mức hỗ trợ bằng 80% mức lương cơ sở/ học sinh/ tháng.
- c) Thời gian hưởng: Theo học kỳ.

3. Chính sách đối với giáo viên

3.1. Đối tượng, phạm vi áp dụng: Giáo viên dạy môn chuyên ở lớp chuyên.

3.2. Mức hỗ trợ: 150% mức lương cơ sở/tháng/giáo viên

3.3. Thời gian hưởng: 9 tháng/năm học

3.4. Tiêu chuẩn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

4. Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với giáo viên trường THPT Chuyên và hợp đồng giáo viên người nước ngoài

4.1. Đào tạo trình độ Thạc sỹ ở nước ngoài:

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Giáo viên dạy các môn chuyên (ưu tiên giáo viên là người Lào Cai, giáo viên dạy ngoại ngữ) được cử đi học chính quy hệ tập trung tại Singapore, Australia, Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ, Canada.

b) Tiêu chuẩn cử giáo viên đi đào tạo: Có chuyên môn giỏi, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ của năm học trước năm xét tuyển đi học. Trường THPT Chuyên có trách nhiệm bố trí, sắp xếp giáo viên dạy thay giáo viên được cử đi đào tạo, đảm bảo đủ số lượng giáo viên giảng dạy.

c) Thời gian: Theo chương trình học thực tế (học chính quy hệ tập trung)

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 250 triệu đồng/giáo viên.

e) Nghĩa vụ giáo viên được cử đi học: Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập; cam kết công tác ít nhất 10 năm tại trường THPT chuyên sau khi hoàn thành khoá học.

4.2. Bồi dưỡng ở nước ngoài

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng:

Bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy đối với giáo viên dạy các môn Toán, Tin, Vật lý, Hóa học, Sinh học, giáo viên dạy ngoại ngữ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đối với cán bộ quản lý Singapore, Australia, Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ, Canada.

b) Tiêu chuẩn cử cán bộ, giáo viên đi bồi dưỡng: Có chuyên môn giỏi, hoàn thành tốt nhiệm vụ của năm học trước, năm xét tuyển đi bồi dưỡng.

c) Số lượng, thời gian:

- Đối với cán bộ quản lý: 01 người/năm, tối đa 12 ngày/năm/người.

- Đối với giáo viên: Không quá 08 người/năm, tối đa 30 ngày/năm/người.

d) Mức hỗ trợ: Tối đa 100 triệu đồng/ giáo viên/30 ngày/năm và tối đa 50 triệu đồng/cán bộ quản lý/12 ngày/năm.

4.3. Hợp đồng thỉnh giảng đối với giáo viên nước ngoài

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng: Là giáo viên người nước ngoài có năng lực chuyên môn, giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung Quốc và ngoại ngữ khác (khi trường THPT chuyên có lớp chuyên ngoại ngữ tương ứng).

b) Hình thức, số lượng:

- Hợp đồng lao động xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn): Thời gian hợp

đồng từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; số lượng: Không quá 02 giáo viên/năm học.

- Hợp đồng theo công việc nhất định (hợp đồng ngắn hạn): Thời gian dưới 12 tháng; số lượng tối đa không quá 10 giáo viên/năm học.

c) Mức hỗ trợ:

Hợp đồng lao động xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn): Chi trả theo hợp đồng nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng.

Hợp đồng theo công việc nhất định (hợp đồng ngắn hạn): Chi trả theo hợp đồng nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/người/tháng.

4.4. Chính sách mời chuyên gia bồi dưỡng cho giáo viên và đội tuyển học sinh giỏi quốc gia tại trường THPT chuyên; hỗ trợ học sinh và giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

a) Đối tượng, phạm vi áp dụng:

Học sinh trong các đội tuyển học sinh giỏi quốc gia các môn văn hóa; học sinh tham gia thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp quốc gia; giáo viên các môn văn hóa có học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi quốc gia, giáo viên hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

b) Tiêu chuẩn: Giáo sư, Tiến sỹ, các nhà khoa học, giáo viên có nhiều kinh nghiệm có kinh nghiệm, uy tín trong hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

c) Mức hỗ trợ:

Bồi dưỡng đội tuyển các môn văn hóa tối đa 70 triệu đồng/ môn (đội tuyển tham dự kỳ thi quốc gia)/năm.

Tham gia thi nghiên cứu khoa học cấp quốc gia được hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/sản phẩm (dự án).

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp giáo dục-ngân sách tỉnh

PHỤ LỤC 5**Chính sách hỗ trợ tiền ăn; hỗ trợ cho giáo viên quản lý học sinh và cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh; hỗ trợ học phẩm và sách giáo khoa cho học sinh phổ thông ở các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Hỗ trợ tiền ăn, thuê cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh dân tộc thiểu số học THPT ở tại trường phổ thông dân tộc nội trú huyện:

1.1. Đối tượng được hỗ trợ: Học sinh người dân tộc thiểu số được tuyển vào lớp Trung học phổ thông học tại trường THPT huyện, ở tại trường phổ thông dân tộc nội trú huyện (chính sách này chỉ áp dụng cho số học sinh hiện có đã tuyển sinh từ hai năm học trước, từ năm học 2016-2017 sẽ không tuyển mới).

1.2. Hỗ trợ tiền ăn: Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 09 tháng/năm học/học sinh.

1.3. Hỗ trợ thuê cấp dưỡng nấu ăn:

a) Định mức cấp dưỡng: Trường có dưới 70 học sinh ở nội trú thuê 01 cấp dưỡng, trường có từ 70 học sinh ở nội trú trở lên được thuê 02 cấp dưỡng (tối đa thuê không quá 02 cấp dưỡng/trường)

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tiền công bằng 100% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 09 tháng/năm học/cấp dưỡng.

1.4. Thời điểm thực hiện: Từ tháng 9/2016 đến hết năm học 2017-2018 (sau năm học 2017-2018 chính sách này sẽ bãi bỏ).

2. Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú:

2.1. Đối tượng được hỗ trợ: Học sinh do nhà ở xa trường hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày phải ở bán trú, bao gồm:

a) Học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông mà bản thân, bố, mẹ có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn khu vực II.

b) Học sinh THPT là người dân tộc kinh (trừ học sinh được hỗ trợ theo Quyết định 12/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh Trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn) mà bản thân, bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã khu vực III hoặc ở thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2.2. Mức hỗ trợ tiền ăn: 20% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 09 tháng/năm học/học sinh.

3. Hỗ trợ giáo viên trực tiếp quản lý học sinh bán trú:

3.1. Đối tượng được hỗ trợ: Giáo viên thuộc biên chế của trường kiêm nhiệm quản lý học sinh bán trú (trừ giáo viên trường PTDT bán trú).

3.2. Định suất hỗ trợ: Trường có dưới 100 học sinh bán trú được bố trí 01 định suất; cứ tăng 10 học sinh bán trú trở lên thì được tính thêm 0,1 định suất.

3.3. Mức hỗ trợ: 100% mức lương cơ sở/tháng/định suất và được hưởng không quá 09 tháng/năm học

4. Hỗ trợ cấp dưỡng nấu ăn cho học sinh bán trú

4.1. Đối tượng áp dụng: Các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai

4.2. Định mức hỗ trợ: Cứ 40 học sinh bán trú ăn tại trường thì nhà trường được hỗ trợ 01 định suất cấp dưỡng. Trường hợp dư từ 30 học sinh (tức 75% định suất) trở lên thì được tính tròn một định suất.

4.3. Mức hỗ trợ: 100% mức lương cơ sở/tháng/định suất và được hưởng không quá 09 tháng/năm học

5. Hỗ trợ học phẩm và sách giáo khoa cho học sinh:

5.1. Đối tượng được hỗ trợ: Trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi, học sinh Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông mà bản thân, bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (trừ học sinh được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ) học tại các cơ sở giáo dục mầm non, Tiểu học, THCS, THPT công lập.

5.2. Mức hỗ trợ:

a) Về sách giáo khoa: Hỗ trợ kinh phí để mua sách giáo khoa cho học sinh mượn; đảm bảo mỗi học sinh được mượn 01 bộ sách giáo khoa/học sinh/năm học

b) Về hỗ trợ học phẩm cho học sinh:

Trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi: Được cấp 01 bộ quyển vở giúp bé nhận biết và làm quen với chữ cái và 02 bút chì/trẻ/năm học

Học sinh Tiểu học: Được cấp không quá 18 quyển và 04 chiếc bút/học sinh/năm học (phù hợp với yêu cầu của chương trình học). Riêng học sinh lớp 1 được cấp thêm 01 chiếc bảng con/học sinh/ năm học.

Học sinh Trung học cơ sở: Được cấp 30 vở thép đóng sẵn/học sinh/năm học.

Học sinh Trung học phổ thông: Được cấp 40 vở thép đóng sẵn/học sinh/năm học.

5. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp giáo dục-ngân sách tỉnh.